CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: /2026/NQ-CP	*Hà Nội, ngày tháng năm 2026*

DỰ THẢO LẤY Ý KIẾN RỘNG RÃI

NGHỊ QUYẾT

Ban hành chính sách đặc thù nhằm tháo gỡ khó khăn cho người nộp thuế trong thực hiện pháp luật về quản lý thuế, đáp ứng yêu cầu cấp bách trong thực hiện cam kết quốc tế về trao đổi thông tin theo yêu cầu

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 54/2014/QH13, Luật số 18/2017/QH14, Luật số 67/2020/QH14, Luật số 09/2022/QH15, Luật số 11/2022/QH15, Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 88/2025/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị quyết quy định chính sách đặc thù nhằm tháo gỡ khó khăn cho người nộp thuế trong thực hiện pháp luật về quản lý thuế, đáp ứng yêu cầu cấp bách về trao đổi thông tin theo yêu cầu.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Nghị quyết này quy định chính sách đặc thù đối với người nộp thuế ngừng hoạt động kinh doanh nhưng chưa hoàn thành thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế và người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký với cơ quan thuế tính đến thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Người nộp thuế được cơ quan thuế xác định ở trạng thái ngừng hoạt động kinh doanh nhưng chưa hoàn thành thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế (trạng thái 03) và người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký với cơ quan

thuế (trạng thái 06);

b) Cơ quan quản lý thuế, công chức quản lý thuế và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Chính sách đặc thù về hồ sơ khai thuế

1. Người nộp thuế quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này không phải nộp hồ sơ khai thuế đối với kỳ tính thuế không phát sinh nghĩa vụ thuế trong thời gian người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký theo thông báo của cơ quan thuế.

2. Người nộp thuế quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này chưa hoàn thành thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế không phải nộp hồ sơ khai thuế trong thời gian người nộp thuế bị cơ quan có thẩm quyền ban hành Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc văn bản tương đương, trừ hồ sơ quyết toán thuế đến thời điểm thu hồi.

3. Người nộp thuế thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này phải nộp đầy đủ hồ sơ khai thuế còn thiếu đối với kỳ tính thuế trước thời điểm quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này và hồ sơ khai thuế đối với kỳ tính thuế phát sinh nghĩa vụ thuế sau thời điểm quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Người nộp thuế quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này không phải lập, gửi thông báo, báo cáo về hóa đơn cho đến thời điểm Nghị định số 123/2020/NĐ-CP có hiệu lực thi hành khi quay lại làm thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế.

5. Người nộp thuế cam kết, chịu trách nhiệm trước pháp luật về các kỳ tính thuế không phát sinh nghĩa vụ thuế trong thời gian quy định tại khoản 1 Điều này. Nội dung cam kết phải xác định cụ thể thời gian không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký, các kỳ tính thuế không phát sinh nghĩa vụ thuế và được thể hiện trong hồ sơ khôi phục mã số thuế hoặc hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế.

Điều 3. Chính sách đặc thù về mức phạt tiền vi phạm hành chính

1. Người nộp thuế quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này đã nộp đầy đủ hồ sơ khai thuế còn thiếu thì được áp dụng mức phạt tiền đối với hành vi vi phạm về thời hạn nộp hồ sơ khai thuế, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này, như sau:

a) Áp dụng mức phạt tiền bằng 30% mức phạt tiền theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 125/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có) đối với người nộp thuế nộp hồ sơ khai thuế kể từ ngày Nghị quyết có hiệu lực đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2027;

b) Áp dụng mức phạt tiền bằng 50% mức phạt tiền theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 125/2020/NĐ-CP của Chính phủ và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có) đối với người nộp thuế nộp hồ sơ khai thuế kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2027 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2027;

c) Áp dụng mức phạt tiền bằng 70% mức phạt tiền theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 125/2020/NĐ-CP của Chính phủ và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có) đối với người nộp thuế nộp hồ sơ khai thuế kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2028 đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2028.

2. Không xử phạt hành vi vi phạm thủ tục thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán theo quy định tại khoản 4 Điều 9 Nghị định số 125/2020/NĐ-CP của Chính phủ và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

3. Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp kê khai thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này đã nộp đầy đủ hồ sơ khai thuế còn thiếu thì áp dụng mức phạt tiền bằng 50% mức phạt tiền quy định tại điểm a khoản 1 Điều này kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2028.

4. Quy định tại Điều này không áp dụng đối với hành vi có dấu hiệu trốn thuế hoặc trường hợp người nộp thuế đang được thanh tra, điều tra, truy tố, xét xử về hành vi trốn thuế, gian lận thuế hoặc sử dụng hóa đơn, chứng từ không hợp pháp.

Điều 4. Hiệu lực thi hành và tổ chức thực hiện

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm 2026 đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2028.

2. Trong thời gian Nghị quyết này có hiệu lực thi hành, trường hợp quy định của Nghị quyết này khác với quy định tương ứng tại Nghị định số 252/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quản lý thuế, Nghị định số 125/2020/NĐ-CP và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế các Nghị định này thì áp dụng quy định của Nghị quyết này.

3. Người nộp thuế đã nộp hồ sơ chấm dứt hoặc khôi phục mã số thuế trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành mà cơ quan thuế chưa ban hành thông báo về việc người nộp thuế chấm dứt hiệu lực mã số thuế hoặc thông báo về việc khôi phục mã số thuế hoặc thông báo về việc người nộp thuế hoàn thành nghĩa vụ thuế để nộp hồ sơ giải thể/chấm dứt hoạt động đến cơ quan đăng ký kinh doanh thì được áp dụng quy định tại Điều 2 Nghị quyết này trừ trường hợp người nộp thuế đã nộp hồ sơ khai thuế và cơ quan thuế đã ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

4. Hồ sơ khai thuế của người nộp thuế thuộc đối tượng áp dụng của Nghị quyết này đã được cơ quan thuế tiếp nhận trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực

thi hành hoặc trong thời gian Nghị quyết này có hiệu lực và đang trong quá trình giải quyết mà chưa ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính thì được áp dụng mức phạt tiền quy định tại Điều 3 Nghị quyết này, trừ trường hợp cơ quan thuế đã ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

5. Người nộp thuế đã ngừng hoạt động kinh doanh nhưng chưa hoàn thành thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế hoặc đã được cơ quan thuế xác định không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký từ đủ 10 năm trở lên tính đến ngày Nghị quyết này có hiệu lực, không có nợ thuế và không thuộc trường hợp đang được thanh tra, điều tra, truy tố, xét xử thì được xem xét chấm dứt hiệu lực mã số thuế theo quy định tại khoản này.

Trước khi thực hiện chấm dứt hiệu lực mã số thuế, cơ quan thuế có trách nhiệm công khai thông tin người nộp thuế dự kiến chấm dứt hiệu lực mã số thuế trên Trang thông tin điện tử của cơ quan quản lý thuế trong thời hạn 30 ngày. Trường hợp người nộp thuế không có văn bản đề nghị khôi phục mã số thuế và cơ quan thuế không nhận được ý kiến phản đối bằng văn bản của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan thì khi hết thời hạn công khai, cơ quan thuế thực hiện chấm dứt hiệu lực mã số thuế trên Hệ thống thông tin quản lý thuế.

Sau khi chấm dứt hiệu lực mã số thuế, cơ quan thuế thực hiện công khai thông tin trên Trang thông tin điện tử của cơ quan quản lý thuế và chuyển thông tin cho cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, pháp luật hợp tác xã và pháp luật có liên quan.

6. Trường hợp cá nhân bị sử dụng thông tin để đăng ký, thành lập cá nhân kinh doanh, hộ kinh doanh, doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã dẫn đến được xác định là cá nhân kinh doanh, chủ hộ kinh doanh, chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký, nếu cá nhân đã có văn bản đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh (đối với trường hợp đăng ký hộ kinh doanh, doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã liên thông) hoặc cơ quan thuế (đối với trường hợp cá nhân kinh doanh đăng ký thuế trực tiếp với cơ quan thuế) và cơ quan công an xử lý việc bị giả mạo thông tin; cơ quan công an đã có ý kiến bằng văn bản về việc tiếp nhận phản ánh, đang trong quá trình giải quyết gửi cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan thuế quản lý trực tiếp người nộp thuế thì cơ quan thuế tạm thời chưa áp dụng biện pháp tạm hoãn xuất cảnh đối với cá nhân đó theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 28 Nghị định 252/2026/NĐ-CP của Chính phủ.

7. Trường hợp người nộp thuế quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này đã được áp dụng chính sách đặc thù theo quy định tại Nghị quyết này nhưng sau đó cơ quan thuế, cơ quan nhà nước có thẩm quyền phát hiện người nộp thuế thực tế có phát sinh nghĩa vụ thuế và chưa được ghi nhận trên hệ thống thông tin

quản lý thuế thì cơ quan thuế khôi phục lại trạng thái mã số thuế về trạng thái trước khi chấm dứt hiệu lực mã số thuế, xác định lại nghĩa vụ thuế, tiền chậm nộp và xử lý vi phạm (nếu có) theo quy định của Luật Quản lý thuế, Luật xử lý vi phạm hành chính và các văn bản hướng dẫn thi hành về thuế, hóa đơn.

8. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, các Vụ, Cục, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (2b).

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Nguyễn Văn Thắng